

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:195/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 11 -2023

Vv: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thắng và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/ 11/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178 /2023/TLST-HNGĐ ngày 16/ 10/2023 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2023. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 22/9/ 1993.

HKTT: Xóm Ngoại, thôn 4, xã Cộng H, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Xóm 3, xã Đông L, huyện Hoài Đ, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 13/12/ 1989;

HKTT và chỗ ở: Xóm Ng, thôn , xã Cộng H, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

Chị Th và anh Q có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 12/10/2023, lời khai tại phiên tòa, chị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Q, tìm hiểu tự và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội ngày 16/11/2011, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, xảy ra mâu thuẫn, anh Quân hay đánh vợ không quan tâm đến vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay hai người sống ly thân. Trong thời gian chị Th về nhà mẹ đẻ ở có vài lần anh Q có gọi điện bảo chị Thủy về chung sống nhưng chị Thủy không còn tin tưởng nữa. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vậy chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Th và anh Q có hai con chung cháu tên là Nguyễn Đỗ Đức C, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Nguyễn Đỗ Ngọc H, sinh ngày 30/4/2015, hiện nay cháu đang ở với anh Q. Khi Ly hôn chị Th xin nuôi dưỡng, chăm sóc 1 con đến khi trưởng thành và chị Th không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; công sức; công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Th, tìm hiểu tự và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội ngày 16/11/2011, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, anh Q có nói chị Th không nghe và anh Q có tát chỉ thủy 1 cái, chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay, anh Q đã nhiều lần gọi điện bảo chị Th về vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không về và từ đó đến nay hai người sống ly thân. Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn, anh Q đồng ý Ly hôn

Về con chung: Anh Q và chị Th có hai con chung cháu tên là Nguyễn Đỗ Đức C, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Nguyễn Đỗ Ngọc H, sinh ngày 30/4/2015, hiện nay cháu đang ở với anh Q. Khi Ly hôn anh Q xin nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con đến khi trưởng thành và anh Q không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; công sức; công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt Tòa án xét xử có mặt của các đương sự theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của chị Th, quá trình Tòa án Hòa giải và tại phiên tòa anh Q đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin Ly hôn của chị Th; Về con chung vợ chồng có 02 con chung hiện đang ở với anh Q, quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị Th xin được nuôi 1 con, anh Q xin nuôi 2 con. Để đảm bảo quyền lợi người phụ nữ và tôn trọng ý kiến của con trên 7 tuổi. Do đó giao cho chị Th nuôi dưỡng cháu Hân, giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu Cảnh. Chị Th và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Th và anh Q cho đến khi có quyết định khác; Về tài sản chung, còn sức, công nợ: Nguyên đơn và bị đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là nơi bị đơn cư trú ở xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; Thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và Hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn có đủ căn cứ xác định:

-Về hôn nhân: Chị Th và anh Q, tìm hiểu tự và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội ngày 16/11/2011, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm

sống không phù hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, anh Q đánh chị Th, dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay hai người sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh Q đồng ý ly hôn. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th được ly hôn anh Q.

-Về con chung: Chị Th và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Đức C, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Nguyễn Đỗ Ngọc H, sinh ngày 30/4/2015. Khi ly hôn chị Th xin nuôi 01 con, anh Q xin nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành.

Xét yêu cầu của chị Th và anh Q về quyền nuôi con thì thấy: Tại phiên tòa chị Th khẳng định chị là Giáo viên nuôi dạy trẻ, anh Q có nghề nghiệp ổn định có đủ điều kiện kinh tế, chỗ ở để nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành. Để đảm bảo quyền nuôi con của các đương sự, quá trình thu thập chứng cứ và theo nguyện vọng của các con là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó giao cho chị Th nuôi dưỡng cháu H, anh Q nuôi dưỡng cháu C đến khi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Th và anh Q không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Th và anh Q cho đến khi có quyết định khác.

[3] -Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th và anh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc chị Thủy phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; 58, 69, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Th. Chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q.

2 - Về con chung:

1.2. Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Th trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Ngọc H, sinh ngày 30/4/2015 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

2.2. Giao cho anh Nguyễn Mạnh Q tiếp tục được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Đức C, sinh ngày 08/11/2012 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Th và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Th và anh Q đến khi có quyết định khác.

Chị Th và anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th và anh Q khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000781 ngày 16/ 10/2023 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5 - Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Văn Thành

